



## Bài báo nghiên cứu

# CUỘC VẬN ĐỘNG DUY TÂN VỚI SỰ THAY ĐỔI TƯ DUY KINH TẾ Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

*Trần Thuận, Võ Phúc Toàn\**

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ: Võ Phúc Toàn – Email: [vophuctoan@hcmussh.edu.vn](mailto:vophuctoan@hcmussh.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 12-4-2019; ngày nhận bài sửa: 15-3-2020, ngày chấp nhận đăng: 18-4-2020*

## TÓM TẮT

Cùng với chính sách cai trị của Pháp, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thâm nhập mạnh mẽ vào Việt Nam làm biến đổi cấu trúc kinh tế – xã hội. Bên cạnh giới tư bản Pháp đang làm chủ thị trường, thương nhân là người Hoa và Ấn Độ cũng tỏ ra hết sức năng động và giữ vai trò không nhỏ. Trong khi đó, người Việt vốn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo nên đã thích nghi chậm hơn, ít chú trọng đến thương mại và kỹ nghệ. Đầu thế kỉ XX, với sự chuyển biến tư tưởng của các sĩ phu cấp tiến, phong trào Duy Tân diễn ra rầm rộ và rộng khắp cả nước, tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội trên mọi phương diện, trong đó đáng kể là sự tác động tích cực đến tư duy kinh tế của người Việt. Thông qua một số hoạt động cơ bản của phong trào Duy Tân, bài viết phân tích những tác động dẫn đến sự thay đổi tư duy kinh tế của người Việt Nam vào đầu thế kỉ XX.

**Từ khóa:** phong trào Duy Tân; cuộc vận động Minh Tân; tư duy kinh tế; Phan Châu Trinh; Trần Chánh Chiểu

## 1. Đặt vấn đề

Suốt cả nghìn năm dưới chế độ phong kiến, những quan niệm về thang bậc xã hội theo tinh thần Nho giáo (sĩ – nông – công – thương) đã chi phối sâu sắc đời sống xã hội, nhất là đối với tầng lớp tinh hoa của Việt Nam. Do đó những biến đổi về chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam đầu thế kỉ XX đã tác động mạnh đến nhận thức của giới trí thức người Việt. Sự khủng hoảng trong đường lối cứu nước cũng như sự thất thế về vị thế kinh tế, chính trị trước các nhóm người Hoa và người Ấn ngay trên đất nước mình đã khơi dậy tinh thần dân tộc của những bộ phận cấp tiến. Những nghề trước đây được xem là thấp kém trong xã hội, chỉ dành cho phụ nữ bắt đầu được chú trọng và được xem là một phương cách xây dựng thực lực cho quốc dân. Cuộc vận động Duy Tân trên cả văn hóa giáo dục lẫn kinh tế đã làm thay đổi nhận thức của đông đảo dân chúng, tạo nên sự chuyển biến sâu sắc trong đời sống xã hội Việt Nam.

---

*Cite this article as:* Tran Thuan, & Vo Phuc Toan (2020). Duy Tan movement with the change of economic thinking in Vietnam in the early 20th century. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(4), 633-645.

## 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của bài viết này là sự vận động thay đổi tư duy kinh tế do tầng lớp tinh hoa người Việt thực hiện ở Việt Nam vào đầu thế kỉ XX. Bên cạnh các hoạt động chính trị, văn hóa, các phong trào Duy Tân hay Minh Tân đã bắt đầu chú trọng đến việc thay đổi tư duy về kinh tế ở người Việt. Các vấn đề về thương mại và kĩ nghệ dần được khuếch trương hơn trước.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng hai phương pháp chủ yếu của khoa học lịch sử là phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Các kết quả nghiên cứu chính

#### 3.1.1. Tư duy và vị thế kinh tế của người Việt trong thế kỉ XIX

Thế kỉ XIX đã chứng kiến sự tái lập nền thống nhất quốc gia sau gần 200 năm chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến và hệ quả của nó là các trung tâm kinh tế quan trọng như Phú Xuân, Cù lao Phố, Gia Định... vốn đã từng phát triển thịnh vượng đã bị tàn phá nặng nề. Việc thống nhất đất nước dưới triều Nguyễn trên nhiều phương diện đã góp phần ổn định tình hình và tạo thuận lợi cho sự củng cố thị trường trong cả nước. Các trung tâm kinh tế dần phục hồi và có sự khởi sắc. Nền kinh tế triều Nguyễn giai đoạn đầu chứng kiến sự thâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây vào thị trường Đông Nam Á. Dù triều đình Huế có cản trở và dè dặt, thì các yếu tố tư bản phương Tây cũng đã thâm nhập nền kinh tế Việt Nam. Có thể thấy, thương mại dưới triều Nguyễn được vận hành một cách khá đặc biệt, vừa tranh thủ vừa dè chừng và cản trở đối với thương nhân ngoại quốc. Nền thương mại Việt Nam giai đoạn này có sự tham gia chủ yếu của các thương nhân Hoa, Việt và phương Tây.

Người Hoa đã chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế của Việt Nam từ nhiều thế kỉ trước. Hệ thống thương mại khu vực ngày càng trở nên nhộn nhịp do mối liên kết của các nhóm người Hoa ở Đông Nam Á. Chính trong bối cảnh đó, cộng đồng người Hoa ở Việt Nam đã nhanh chóng bắt nhịp trên vùng đất mới định cư, trở thành một lực lượng kinh tế đầy năng động, nắm các ngành thương mại quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt trên vùng đất Nam Bộ.

Các tài liệu địa chí như *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* của Lê Quang Định, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn... đã cho thấy sự phân bố rộng rãi của người Hoa trong cả nước, nhất là ở các tỉnh dọc biên giới phía Bắc và các đô thị lớn ở miền Nam. Riêng ở các tỉnh thành phía Nam, người Hoa có mật độ đông đảo hơn, và chợ Sài Gòn (khu vực Chợ Lớn ngày nay) được xem là nơi có số lượng người Hoa đông nhất.

Sau gần hai thế kỉ khai phá và tạo dựng, các cộng đồng cư dân Việt, Hoa, Khmer... đã chung tay biến vùng đất phía Nam thành một vựa gạo lớn nhất nước, không chỉ đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước mà còn có dư để buôn bán ra nước ngoài. Một trong những

khách hàng truyền thống mua gạo từ Sài Gòn là thương nhân người Hoa. Theo Li Tana (1994), hàng năm, có 300 chiếc thuyền từ Trung Quốc đến Sài Gòn để mua bán trong khoảng đầu thế kỉ XIX (p.205). Ngoài ra, trong bối cảnh biến động dân cư tại các nước Đông Nam Á khi người Hoa nhập cư ào ạt và sự thành lập các vùng đất mới như khu định cư Singapore (Hạ Châu) của người Anh, vấn đề lương thực lại trở nên cực kì quan trọng. Sài Gòn và Bangkok đã nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu đó của Singapore. Thương mại của Việt Nam và Singapore vài thập niên đầu thế kỉ XIX chưa đạt 30.000 tấn/năm và đã nhanh chóng đạt 40.000 tấn/năm theo ghi nhận của John Crawford vào năm 1823 (Li Tana, 1998, p.142). Hoạt động xuất cảng lúa gạo nơi đây chủ yếu nằm trong tay người Hoa. Mặc dù vua Gia Long đã ban lệnh quy định vàng, bạc, gạo muối, đồng tiền, kì nam, trầm hương là vật cấm, các thuyền buôn không được chở trộm, nhưng trong suốt thời gian dài, Sài Gòn đã trở thành điểm xuất cảng gạo quan trọng. Gia Định thành dưới thời của Tổng trấn Lê Văn Duyệt đã phớt lờ nhiều chính sách thuế của triều đình trung ương dành cho người Hoa<sup>1</sup>. Chẳng hạn, sự kiện dòng dõi của họ Mạc ở Hà Tiên là Chánh đội trưởng suất Mạc Hầu Hi tranh thủ chuyến công cán qua Xiêm La đã chở gạo và đường đến buôn bán tại Singapore vào năm 1832 đã không qua mắt được vua Minh Mạng.

Sau cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi, chính quyền Minh Mạng bắt đầu siết chặt hoạt động của thương nhân người Hoa. Năm 1834, Minh Mạng ra chỉ dụ thương nhân Hoa kiều muốn đóng thuyền đại dịch thì phải được bảo lãnh bởi người thật giàu trong nước. Họ cũng không có quyền mua đường cát, trong khi thường dân khác thì có quyền mua bán mặt hàng này (Nguyen Dynasty's National Historical Institute, 2007, p.266-267). Cùng với gạo, từ lâu, đường cát cũng là một mặt hàng quan trọng xuất khẩu sang Singapore và là một nguồn hàng mang món lợi lớn do nhà nước nắm độc quyền.

Trong khi đó, so với người Hoa, hoạt động của thương nhân người Việt có phần yếu hơn. Người Việt chủ yếu “buôn bán nhỏ, đem chỗ nhiều đến chỗ ít kiếm lợi dùng hàng ngày” (Nguyen Dynasty's National Historical Institute, 2012, p.1672) trong các ngôi chợ làng, chợ huyện quen thuộc. Các tài liệu địa chí thời Nguyễn đã cho thấy số lượng đông đảo của các ngôi chợ trong cả nước. Một số chợ phát triển thành các phố có nhà cửa san sát, trung tâm thương mại lớn có sự quần cư của người Hoa, người Việt cũng như các dân tộc khác như người Khmer, người Tày, người Nùng... Song, dễ nhận ra là đàn ông Việt trong suốt thời phong kiến dường như chỉ chuyên tâm vào công việc học hành, nông nghiệp hoặc thủ công nghiệp, rất ít quan tâm đến thương nghiệp. Tư duy của họ khó vượt ra ngoài cấu trúc xã hội truyền thống: sĩ, nông, công, thương. Điều này xuất phát từ quan

---

<sup>1</sup> Thông thường những người mới tới phải đăng kí là cùng cô hoặc vô vật lực thì mới được miễn đóng thuế. Gia Định thành đề nghị với triều đình năm 1827 nên đánh thuế 6,5 quan mỗi người Thanh bình thường và miễn thuế cho người Thanh trắng tay nhưng bị Minh Mạng bác bỏ. Minh Mạng cho rằng về nguyên tắc người Hoa nhập cư phải đóng thuế đầy đủ. Những người rất nghèo phải đóng nửa mức thuế trong 3 năm, sau đó phải đóng đầy đủ. Nhưng chỉ dụ này của Minh Mạng đã bị chính quyền Gia Định thành phớt lờ (Tran, &Vo, 2016, p.12).

niệm của các vị vua từng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho gia, từ Lê Thánh Tông cho đến Gia Long đều quan niệm nghề nông là gốc, việc buôn bán là ngọn, không thể bỏ gốc lấy ngọn, cho nên, việc buôn bán dường như được xem là công việc của người phụ nữ ở những ngôi chợ làng, chợ huyện, bến cá ven sông. Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam phải lo toan mọi việc trong gia đình từ ruộng vườn đến buôn bán để người chồng có thể yên tâm học hành khá phổ biến trong xã hội Việt Nam truyền thống. Thuyền trưởng người Mĩ John White (1823) khi đến Sài Gòn năm 1822 đã phản ánh tình trạng này ở Sài Gòn khi hầu hết hoạt động buôn bán đều nằm trong tay phụ nữ (p.261).

Việc giàu lên nhờ nghề kinh doanh, mua bán của người Việt không mang tính phổ biến. Người có vật lực, tài lực trong xã hội được đo bằng số ruộng đất sở hữu. Vì thế, dù có thể kiếm được lợi nhuận cao từ việc buôn bán thì các thương nhân cũng đầu tư vào việc tậu ruộng đất, đặc biệt là trong thế kỉ XIX, khi ruộng đất công giảm sút nghiêm trọng, nạn chiêm tính ruộng đất diễn ra trên diện rộng và ngày càng mạnh mẽ. Bên cạnh việc thuê mua ruộng đất, một ít thương nhân người Việt như Chu Danh Hồ, Nguyễn Trí Hòa đã đứng ra lĩnh trung các mỏ vàng, bạc để thu lợi. Trong tất cả các mặt, thương nhân người Việt thất thế hơn nhiều so với người Hoa vốn năng động và giỏi nghề buôn bán. Nhưng những lệnh hạn chế thương nhân người Thanh và Minh Hương mua lúa gạo và đường bán ra nước ngoài năm 1834 được nâng lên thành lệnh cấm vĩnh viễn đóng thuyền vượt biển năm 1838 đã tạo ra một cơ hội mới cho thương nhân người Việt chen chân vào khoảng trống tạm thời do người Hoa để lại trong thương mại khu vực. Từ thế kỉ XVIII, người Việt đã rất nổi tiếng trong nghề đóng thuyền ở Đông Nam Á và ưu thế này đã được phát huy khi lệnh hải cấm đối với người Hoa được triều đình Huế ban bố<sup>2</sup>. Tờ báo *The Singapore free press and mercantile advertiser ở Singapore* cho biết trong hai năm 1844-1845 đã có 117 thuyền tư nhân đến miền Nam, từ 1847 đến 1848 là 162 và từ 1848 đến 1849 là 103 (Choi, 2008, p.50). Đa phần chủ của các thuyền này là người Việt. Tình hình này kéo dài không bao lâu thì cuộc chạm trán giữa nước Đại Nam theo truyền thống Nho giáo và nước Pháp tư bản chủ nghĩa diễn ra.

Cuối thế kỉ XIX, dưới ách cai trị của người Pháp, ngay cả những nơi hoạt động thương mại sôi động nhất như ở Sài Gòn, bên cạnh tư bản Pháp, thương nhân Hoa vẫn khuynh loát cả thị trường lúa gạo. Địa chủ người Việt vẫn bám lấy ruộng đất để “phát canh thu tô”, thi thoảng mới có người đứng ra mở nhà máy xay xát lúa gạo, hoặc tổ chức buôn bán với quy mô nhỏ.

<sup>2</sup> Do chi phí đóng thuyền tại nước Thanh khá cao, các thương nhân người Thanh thường đến các nước Đông Nam Á như Việt Nam và Thái Lan mua thuyền thu mua lúa gạo đem đến bán ở nơi khác. Họ vừa có thể kiếm được lợi nhuận từ buôn bán gạo và có thể bán ngay chiếc thuyền đó khi hoàn thành giao dịch. Những tài liệu của thương nhân người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha tại Ma Cao cho biết, nhiều thương nhân đến Đàng Trong mua bán đã phải mua những “tiêu di thuyền” ở bản địa để chở hàng hóa về (Li Tana, 2006).

Trong hồi kí đến Sài Gòn năm 1822, thuyền trưởng người Mĩ John White đã nhận xét ngành đóng thuyền của Sài Gòn có thể giúp người bản xứ hành diện hơn hết và sánh ngang với nhiều xưởng đóng tàu tại châu Âu (White, 1823, p.234-235).

Có thể thấy, trong xã hội Việt Nam thời phong kiến độc lập, tầng lớp thương nhân đã hình thành và tham gia vào nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Song nhìn chung, sự vận động của nền kinh tế trọng nông truyền thống đến thế kỉ XIX phải đối mặt với nhiều thách thức từ sự xâm nhập của nền kinh tế tư bản phương Tây. Nền kinh tế Việt Nam trước và trong thời thuộc địa đã có sự tham gia của các cộng đồng từ người Hoa, người Việt, đến các tộc người thiểu số khác..., trong đó, cộng đồng người Hoa bao gồm người Minh Hương và người Thanh dù tỉ lệ dân số không nhiều nhưng đã chiếm một ưu thế rất lớn và họ có khả năng kết nối với cộng đồng Hoa thương ở các quốc gia Đông Nam Á. Còn người Việt, với những tập quán kinh tế của mình, chủ yếu hoạt động trên các lĩnh vực nông nghiệp, thủ công nghiệp hay đi theo con đường học vấn để ra làm quan, rất ít chú ý đến lĩnh vực thương mại. Tư duy trọng nông (tiểu nông) hàng bao thế kỉ đã đè nặng lên đời sống kinh tế xã hội Việt Nam, tạo thành một vỏ bọc dày dặn, khiến người Việt khó hội nhập với môi trường mới năng động, cho dù những thành tựu của văn minh phương Tây, từ trước đó cho đến khi Pháp tiến hành “khai thác thuộc địa”, đã nhiều lần tác động nhưng vẫn chưa “xé toạc nó ra”, vì ổ kén quá dày! Tuy nhiên, với tinh thần cấp tiến của giới trí thức Việt đầu thế kỉ XX, một làn sóng vận động người Việt chú trọng đến kĩ nghệ và thương mại được cổ vũ mạnh mẽ đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực. Đây là những tiền đề hết sức quan trọng cho sự hình thành và phát triển của tầng lớp doanh nhân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

### 3.1.2. Cuộc vận động làm thay đổi tư duy kinh tế đầu thế kỉ XX

Bước sang đầu thế kỉ XX, sau hơn nửa thế kỉ bình định và cai trị, chính sách khai thác thuộc địa của Pháp đã tác động mạnh mẽ đến xã hội Việt Nam. Sự thâm nhập của yếu tố sản xuất tư bản chủ nghĩa đã làm thay đổi cấu trúc nền kinh tế, cũng như sự biến đổi cơ cấu giai cấp, xã hội... ở nước ta là những điều kiện ít nhiều tạo nên sự thay đổi tư duy kinh tế. Trong bối cảnh chung của đất nước, việc thiết lập chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ, được xem là một phần lãnh thổ của nước Pháp, với các quy chế sinh hoạt (dù còn nhiều hạn chế trong khuôn khổ của xứ thuộc địa) tương đối “thoáng mở” đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động kinh tế, xã hội của người Việt Nam theo xu hướng mới từng bước định hình và phát triển. Ngay từ năm 1901, tờ báo tư nhân về kinh tế đầu tiên đã ra đời là *Nông cổ mín đàm*. Đây là tờ báo do Paul Canavaggio, một công chức người Pháp về hưu đứng ra làm chủ nhiệm và chủ bút đầu tiên là Lương Khắc Ninh. Trong mục *Thương cổ luận* trên số đầu tiên, Lương Khắc Ninh (1901) đã nêu rõ mục đích của tờ báo:

Người bôn xứ cứ chuyện làm ruộng rẫy, đặng thắt cho trời đất. Không thấy ai buôn bán cho cả thể, và cũng không có ai hùn hiệp chung cùng với ai mà làm cho ra cuộc đại thương. Vì sao? Ấy là bởi tục quen trong nước, hễ chưa có người bày trước, để vậy thì có lẽ luôn luôn như vậy mà thôi... Bởi vậy cho nên, xin phép nhà nước mà lập nhật báo này đặng luận về kĩ-nghệ và thương cổ, chớ chẳng phải có ý tham lợi bán chữ mà lấy tiền...

Tờ này mới khởi hành, nên tỏ một ít lời cho chư vị quý nhơn rõ ý nhật báo, chỉ muốn cho người bôn quốc có kĩ-nghệ và thương mãi, đặng làm cho hiệp với người Khách (người Hoa - TG) và người Thiên-trước (người Ấn - TG). (Luong, 1901, p.2).

Dù chủ báo là một viên công chức Pháp về hưu nhưng nội dung tờ báo được điều hành bởi những trí thức Nam Kỳ có tư tưởng canh tân như Lương Khắc Ninh, sau đó là Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Đông Trụ, Lê Văn Trung, Nguyễn Chánh Sắt. Trong suốt 20 năm tồn tại, *Nông cổ mín đàm* đã có sức tác động rất lớn, đại diện cho tiếng nói của những người Việt bắt đầu đi theo con đường làm ăn tư bản chủ nghĩa. *Nông cổ mín đàm* ra đời không bao lâu thì lịch sử chứng kiến một cuộc vận động canh tân rộng lớn trong phạm vi cả nước. Lần này, nơi khởi đầu cuộc vận động là Trung Kỳ rồi nhanh chóng lan ra Bắc và vào Nam.

Đầu thế kỉ XX, nhiều tân thư tân văn mang tư tưởng dân chủ tư sản đã theo con đường Trung Quốc nhanh chóng truyền bá vào Việt Nam. Những tư tưởng mới mẻ này đã tác động mạnh mẽ đến các sĩ phu yêu nước, những người đang mong mỏi tìm kiếm một con đường cứu nước khác<sup>3</sup>. Huỳnh Thúc Kháng cho biết không khí tiếp nhận tân thư, tân văn lúc bấy giờ như sau:

Đương khoản mấy năm đó, người nước Tàu trải qua một cuộc Trung Nhật chiến tranh (1894), đã hơi tỉnh dậy, lại tiếp đến cuộc Mậu Tuất chính biến, Canh Tý liên binh, sách mới, báo mới xuất hiện đã tràn qua nước ta, mà ảnh hưởng nhất là sách của Khang Hữu Vy cùng Lương Khải Siêu, vì sách ấy nói dân quyền tự do, phát minh được chân tướng văn minh Âu Tây nhiều. (Huỳnh, 1959, p.14)

Và những trí thức yêu nước đã phản ứng trước sự thức tỉnh này. Cụ Huỳnh viết:

Năm trước đó có quan Thị lang Thân Trọng Huệ (có sang Pháp du học) có tờ sớ xin bỏ khoa cử, tại Kinh có Đào Tào Pha (Nguyên Phở) mua được nhiều sách mới (như Mậu Tuất chính biến, Trung Quốc hồn, Nhật Bản duy tân sử, Tân Dân tùng báo cùng sách Âu dịch ra Pháp văn), nhất là Phan quân Tây Hồ (Phan Châu Trinh – TG) túy tâm bàn Tây học (lúc bấy giờ làm Thừa biện bộ Lễ), tôi ở ngoài không thi, thường với Tây Hồ đến nhà Đào, có bao nhiêu tân thư đọc hết, biết được đôi chút biến thiên của thế giới, thật bắt đầu từ năm ấy. (Huỳnh, 2000, p.33).

Dòng chảy tư tưởng duy tân ở Việt Nam đã khởi phát ngay tại kinh đô của triều đại phong kiến cuối cùng dưới sự kiểm soát gắt gao của chính quyền bảo hộ. Để rồi một nơi khác làm được điều mà Huế không thể làm trong con đường canh tân cứu nước đầu thế kỉ XX – xứ Quảng Nam. Nhiều ngôi trường đào tạo tân học, chú trọng thực học, thực nghiệp ra đời, tiêu biểu ở làng Phú Lâm của Lê Đại. Trong thời gian ngắn, công cuộc duy tân ở Quảng Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ. Thấy được khả năng có thể lan rộng ra các địa phương khác, các nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân quyết định đi nhiều nơi phát động nhân sĩ, trí thức thực hành duy tân cứu nước. Năm 1905, bộ ba Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp lên đường vào các tỉnh phía Nam để khảo sát, tiếp tục xây

<sup>3</sup> Trong tập *Tự phán*, Phan Bội Châu (1956) cho biết đã đọc được các tân thư, tân văn từ Nguyễn Thượng Hiền như *Trung Đông chiến kỉ*, *Pháp – Phổ chiến kỉ*, *Doanh hoàn chí lược*. Nguyễn Tiến Lực còn cho biết thêm rằng, có thể Phan Bội Châu đã đọc cuốn *Nhật Bản Duy tân tam thập niên sử* được Thượng Hải, Quảng Trí thư cục xuất bản trong thời gian ở Hồng Kông chờ đi Nhật... (Nguyen, 1997, p.23).

dựng phong trào, phổ biến dân quyền, vận động xóa bỏ lối học cũ, phổ biến lợi ích của tân học, tân văn hóa... Trong chuyến Nam du năm 1905, Phan Châu Trinh đã vận động một số nhân sĩ hậu duệ của các nhà nho tham gia phong trào tị địa ở Phan Thiết xây dựng cơ sở Duy Tân mới ở Bình Thuận như Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh, Hồ Bá Tang, Trương Gia Mô... lập *Liên Thành thư xã* giảng sách báo, phổ biến những tư tưởng mới về dân chủ, dân quyền và *Dục Thanh học hiệu* dạy học theo tinh thần mới cùng với *Liên Thành thương quán* do Nguyễn Trọng Lợi đứng đầu. Đây chính là cột mốc khởi đầu cho một thương hiệu hơn trăm năm của người Việt, *Nước mắm Liên Thành*.

Sau Bình Thuận, phong trào Duy Tân đã nhanh chóng bén rễ lên các tỉnh phía Bắc, nổi bật nhất là sự ra đời của Đông Kinh nghĩa thực năm 1907 dưới sự vận động của nhóm chí sĩ yêu nước, trong đó có Phan Châu Trinh, Nguyễn Văn Vĩnh... Ý tưởng thành lập trường là kết quả chuyến đi Nhật của Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu năm 1906. Hai chí sĩ họ Phan đi khảo sát các trường học, việc giáo dục, mở mang kinh tế của Nhật, và trước cảnh nước Nhật văn minh, so với tình cảnh đất nước mình hiện tại, Phan Châu Trinh không khỏi thảng thốt: “Trình độ quốc dân người ta như thế đấy, trình độ quốc dân mình như thế kia, không làm nô lệ sao được” (Nguyen, 2000, p.118). Sau khi hai chí sĩ họ Phan về nước cùng với một số sĩ phu đất Bắc như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc... chủ trương lập trường học theo kiểu Nhật tại Hà Nội. Trường Đông Kinh nghĩa thực mô phỏng theo mô hình Khánh Ứng nghĩa thực bên Nhật ra đời. Mục đích của Nghĩa thực vạch rõ: khai trí cho dân; phương tiện được hoạch định: mở những lớp dạy học không lấy tiền (để đúng với cái tên Nghĩa thực) và tổ chức những buổi diễn thuyết để trao đổi tư tưởng cùng cổ động trong dân chúng (Nguyen, 2002, p.50). Ngoài việc dạy chữ Hán, trường còn dạy Việt văn, Pháp văn, các môn khoa học cách trí, lịch sử và địa lí Việt Nam. Các buổi bình văn diễn thuyết được tổ chức thường xuyên thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Đây là một sự bứt phá mạnh mẽ trong lịch sử Việt Nam cho đến lúc bấy giờ. Từ trong thâm sâu, các vị đã nhận thức rất rõ nguyên nhân sự tụt hậu của dân tộc để rồi nước mất nhà tan không gì khác mà chính là sự hủ lậu của nền giáo dục cử nghiệp, công cụ bao đời nay của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền (Tran, 2012, p.70).

Bên cạnh các hoạt động chính trị và văn hóa giáo dục, các nhà thực hành duy tân ở Quảng Nam còn đẩy mạnh các hoạt động kinh tế. Một phần là để tạo tiềm lực kinh tế cho hoạt động duy tân, một phần là để thay đổi nhận thức trong xã hội về việc khinh thương. Như đã nói trên, trong nhận thức của xã hội phong kiến, nghề buôn vốn bị xem thường. Cho nên việc lập thương hội buôn bán đặt trong bối cảnh xã hội đương thời là một sự đột phá của các chí sĩ duy tân tấn công vào sự trì trệ của ý thức hệ phong kiến. Bên cạnh các nghĩa thực, phong trào Duy Tân còn lập các hội buôn để gây quỹ cho trường học.

Trong một thời gian ngắn đã có nhiều cơ sở kinh tế hình thành như hợp thương Phong Thù, Diên Phong, thương cuộc Hội An, Phú Lâm... Các thương hội này là mô hình hợp tác của nhiều người với tổ chức khá chặt chẽ, vừa sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu xã hội, vừa

tranh thương với người nước ngoài. Thương hội không chỉ tổ chức trong tỉnh nhà mà còn mở rộng ra các tỉnh khác như hợp thương ở Huế, Triều Dương ở Nghệ An, Công ti Liên Thành ở Phan Thiết... (Tran, 2012, p.73)

Ở làng Phú Lâm, Lê Cơ vừa mở trường học vừa mở vườn trồng quế, lập cuộc buôn, dựng lò rèn, lập cuộc bảo hiểm, canh phòng trộm cướp. Chính các hoạt động công thương này đã gây cơ sở cho các nghĩa thực có thể an tâm truyền bá tân học. Trong tờ đơn gửi cho Tri phủ Thăng Bình, bên cạnh việc xin mở trường, Lê Cơ cũng xin mở một “tiệm buôn tạp hóa”. Trên danh nghĩa là mở tiệm buôn tạp hóa để được chấp thuận nhưng thực ra đây là một dự định lớn, tiến tới sự ra đời một thương hội có tên là Thương hội bình dân, với tinh thần hợp quần để lo cho những hoạt động khác: lấy lợi từ hội buôn để nuôi trường học, ủng hộ phong trào xuất dương (Ngo, 2012, p.110). Trong tác phẩm *Trung kì dân biến*, Phan Châu Trinh cho biết một chi tiết thú vị: “Hội thương ở Quảng Nam thân sĩ lập năm 1905 mở tại phố Hội An, gần bên tòa sứ. Phần hùn có công sứ và quan Nam, tỉnh cho chữ làm bằng” (Phan, 1973, p.43). Các chí sĩ Duy Tân đã khéo léo lập được hội buôn có cả phần hùn của viên công sứ Pháp, quan lại Nam triều.

Từ Trung Kỳ, làn sóng cổ vũ khuếch trương công thương cũng nhanh chóng lan ra Bắc Kỳ. Khi Đông Kinh nghĩa thực được mở, các hội buôn cũng nhanh chóng được thiết lập. Đỗ Chân Thiết mở hiệu Đồng Lợi Tế ở phố Mã Mây và hiệu thuốc Tụy Phương gần ga Hàng Cỏ; Hoàng Tăng Bí mở hiệu Đông Thành Xương ở Hàng Gai; Tùng Hương mở Phúc Lợi Tế ở Phúc Yên, Hưng Lợi Tế ở Hưng Yên; Nguyễn Trác mở Sơn Thọ ở Việt Trì, Phú Thọ; Ngô Đức Kế mở Triều Dương thương quán ở Nghệ An... (Nguyen, 2002, p.109-114).

Khi phong trào Duy Tân phát triển ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ thì ở Nam Kỳ, phong trào được hưởng ứng và cổ vũ mạnh mẽ bởi Trần Chánh Chiếu<sup>4</sup>. Những lời kêu gọi cổ vũ công nông thương trên *Nông cổ mìn đàm* và các hoạt động duy tân rầm rộ trong cả nước đã khiến cho nhân sĩ trí thức Nam Kỳ nhanh chóng kiến thiết các hoạt động canh tân của mình dưới một tên gọi khác là *Minh Tân*. Từ Rạch Giá lên Sài Gòn, Trần Chánh Chiếu thuê măng sét (manchette) của Canavaggio để thay Lương Khắc Ninh làm chủ bút tờ *Nông cổ mìn đàm* từ số 260 ngày 9/10/1906 đến số 341 năm 1908 (Pham, 1975, p.23). Đến năm 1907, Trần Chánh Chiếu lập thêm tờ *Lục tỉnh tân văn* để mở rộng việc tuyên truyền cho phong trào Minh Tân. Các bài viết vận động minh tân trên *Nông cổ mìn đàm* được tập hợp thành một quyển sách mang tên *Minh Tân tiểu thuyết*. Lời đề từ của tập sách cho biết<sup>5</sup>:

<sup>4</sup> Trần Chánh Chiếu sinh năm 1867 trong gia đình hương chức ở Rạch Giá. Ông theo học trường Collège d'Adran rồi sau đó làm thông ngôn cho tham biện chủ tỉnh. Ông bỏ vốn làm ăn tại vùng Tràm Chệt nhỏ và làm xã trưởng tại làng Vĩnh Thanh Vân. Theo một nghị định ngày 12/9/1904 về việc chuyển nhượng mảnh đất 299,25 hecta ở làng Hòa Hưng, tổng Giang Ninh, tỉnh Rạch Giá cho Trần Chánh Chiếu cho biết Trần Chánh Chiếu nhập Pháp tịch từ trước. Sau khi thôi chức xã trưởng, Trần Chánh Chiếu lên Sài Gòn để hoạt động (Sơn Nam, 2004, tr. 176 – 177; Gouvernement Général de L'Indo-chine, 1904, p. 1265).

<sup>5</sup> Đề tôn trọng văn bản gốc *Minh tân tiểu thuyết*, người trích đã giữ nguyên cách dùng từ, quy cách chính tả của văn bản trong bài viết này.



Ngu hạ từ ra gánh lo cuộc Nông-cổ Mìn-đàm, cũng nhờ ơn chư gia giúp sức, chớ độc một cũng nang chi đại hà, vậy nên tựa lập dịch cho thành câu. Sẵn dịp mở cuộc Minh-Tân Công-ty, ngu hạ phải lục ra các lời phương ngôn mìn luận của chư vị Văn-nhơn đã in trong Nhựt-trình đăng làm ra một cuộc sách gọi là “Minh tân tiểu thuyết” hầu cho chư vị nhà quan ít ngán, các trẻ em đọc đều dễ thông. (Tran, 1907, p.2)

*Minh Tân tiểu thuyết* trích in lại các bài báo kêu gọi canh tân từ *Nông cổ mìn đàm* có thể coi như một tập sách tinh tuyển kêu gọi công cuộc đổi mới cho sĩ dân ở Nam Kỳ như *Cách buôn bán* của Nguyễn Văn Lành, *Thương trường bại tích* của Tân Dân Tử... Nhiều bài viết phân tích những nhược điểm của người Việt trong thương trường dẫn đến sự thua thiệt so với người Hoa, người Ấn để rồi “nhường lấy” cơ hội làm giàu cho người ngoại quốc ngay tại nước mình, cụ thể:

Người bản-quốc ta mảng có tánh nghi nan đố kị nhau, nên không đồng tâm hiệp lực mà kinh dinh cuộc thương mại chỉ với người ngoại-quốc đặng. Vì vậy các cuộc đại thương trong xứ ta đều nhượng cho Trung-huê và Ấn-độ thâu tóm lợi quyền, mà trường hưởng phú quý, lạc nghiệp an cư, như một phần hương hỏa kia của tổ phụ người lưu lại cho đó vậy. Còn người Annam là người bản sở tổ quán xứ này mà không đặng hưởng đúng sự giàu sang thịnh lợi, cứ rút vô chỗ thảo gia điền viên mà ra sức cấy sâu cuộc bảm, buôn vụng bán vắn, người nào có phước thì đặng ấm dưỡng thê nhi kẻ nào thất thời lại phải bần hàn cực khổ, thiệt là thua sức người ngoại-quốc lắm.

...Nay chúng ta muốn tranh đua thắng bại với người Trung-quốc, thì kịp dụng thương mại mà cự địch với chúng nó, còn muốn tranh đua với người Ấn-độ, thì kịp lập cuộc ngân hàng (nhà băng để cho vay) (Tan Dan Tu, 1907, p.11-14).

Đặc biệt là bài *Duy Tân công ti* của Trần Chánh Chiếu kêu gọi lập một công ti theo phương thức mới, làm cơ sở cho phong trào Minh tân, đăng trên số báo 303 ngày 13/7/1907. Ý tưởng thiết lập một công ti duy tân ra đời sau khi Trần Chánh Chiếu đi tham khảo công cuộc tân dân ở Hương Cảng, Dương Thành, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phạt Sơn, Tam Thủy của Trung Quốc (Tran, 1907, p.15). Cảm khái trước sự làm ăn của người Trung Quốc, Trần Chánh Chiếu mong muốn lập một công ti với 20.000 phần hùn, mỗi phần hùn với giá 5 đồng, có hình thức như một công ti cổ phần thời nay. Lời kêu gọi này đã nhận được sự ủng hộ nhiệt thành của những người có vật lực khắp Nam Kỳ. Các mục *Thu tin vãng lai* của *Nông cổ mìn đàm* sau số báo ngày 13/7/1907 đã cho thấy nhiều điền chủ quan tâm đến việc thành lập công ti. Sau 5 tháng vận động, công ti nhận được 11.837 phần hùn có giá trị 57.665 đồng từ 1802 người hùn vốn (Pham, 1975, p.26). Ngoài ra, Trần Chánh Chiếu còn hình thành các cơ sở kinh tế của phong trào Minh Tân như *Nam Trung khách sạn* ở Sài Gòn; *Minh Tân khách sạn* ở Mỹ Tho do Huỳnh Đình Điển để Trần Chánh Chiếu đứng tên, làm nơi hội họp cho phong trào; *Nam Kỳ Minh tân Công nghệ* công ti ở Mỹ Tho; *Chiêu Nam lâu* của Huỳnh An Khương; *Công ti Nhà in* ở Sài Gòn; *Mỹ Tho Minh tân Túc mẽ tổng cuộc* do Trần Văn Hải và Phạm Ngọc Túy kêu gọi... liên tiếp trên các số báo của *Nông cổ mìn đàm* và *Lục tỉnh tân văn* đã cho thấy phong trào có sức lan tỏa lớn, nhiều cơ

sở kinh tế của người Việt được thành lập, nhanh chóng đi vào hoạt động và bước đầu có hiệu quả. Từ số 23 trở đi, từ *Lục tỉnh tân văn* giới thiệu những tiệm buôn, cơ sở kinh tế của phong trào mới ra đời theo lời kêu gọi canh tân (Son Nam, 2004, p.211). Không khí làm ăn ở khắp Nam Kỳ trở nên sôi nổi, rất có sinh khí. Có thể nói, phong trào Minh Tân đã thổi một làn gió mới trong tinh thần làm ăn của người Việt. Nhiều cơ sở kinh tế mới được thành lập, có sự chung tay của nhiều điền chủ, người có tài lực cùng nhau hùn hạp để làm ăn. Một số ý tưởng kêu gọi làm ăn và cơ sở kinh tế được kêu gọi hùn vốn và bàn bạc rộng rãi trên *Lục tỉnh tân văn* như sau:

**Bảng 1.** Một số cơ sở kinh tế được kêu gọi và bàn bạc ý tưởng kinh doanh trên *Lục tỉnh tân văn* (Son Nam, 2004)

STT	Tên tổ chức kinh tế	Người kêu gọi
1.	Tân Hóa thương hội	Phan Văn Chánh ở Tân Hóa, Chợ Gạo
2.	Minh Tân thương cuộc	Châu Minh Dương, Phan Tương Như, Nguyễn Thanh Kiệm ở Tân An
3.	Hãng cho vay	Huỳnh Công Thiệu
4.	Nam Kỳ thương cuộc	Độc giả họ Trần ở Mỹ Tho
5.	Nam Mỹ Thạnh thương quán	Nguyễn Thái Sung, Nguyễn Khoan Bình, Huỳnh Công Hiến, Nguyễn Ngọc Chấn, Bùi Phát Đạt
6.	Y Dược công ti	J.B. Xuân ở Gia Định
7.	Nam Hòa	Viên chức hai ty Phan, Niết ở Bến Tre
8.	Ước Lập hòa thuyền	Nguyễn Bá Phước ở Bến Tre
9.	Công ti Nam Chấn Thành	N.H.N
10.	Nam Lợi	
11.	Nam Hòa Thạnh	Nhóm công chức ở Biên Hòa, do Lê Tấn Biện làm Chánh Tổng lí
12.	Nam Hòa Lợi	Madame Cao
13.	Té Nam khách sạn	Nguyễn Thế Ngọc về sau do Trần Bửu Trước điều hành
14.	Khải Nam	M. Dương Văn Hữu ở chợ Giữa, làng Vĩnh Kim Đông, Mỹ Tho
15.	Tân Thành, Đông Thành	
16.	Nam Đồng Hưng	

Có thể thấy, cuộc vận động duy tân đã diễn ra khắp cả ba kỳ Bắc, Trung, Nam và trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt về văn hóa giáo dục và kinh tế với một tư duy mới mẻ, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Hẳn nhiên, điều đó không thể làm cho người Pháp hài lòng. Và, trước hoạt động rộng rãi của phong trào, chính quyền Pháp bắt giữ Trần

Chánh Chiếu vào tháng 10/1908, cuộc vận động Minh Tân trên hai tờ *Nông cổ mín đàm* và *Lục tỉnh tân văn* chấm dứt. Trước sự đàn áp của Pháp, tháng 11/1907, ở Bắc Kỳ, Đông Kinh nghĩa thực bị đóng cửa; tháng 5/1908, cuộc đấu tranh chống sưu thuế ở Trung Kỳ và phong trào Duy Tân cũng kết thúc.

### 3.2. Thảo luận

Điều đáng nói là, dù phong trào Duy Tân bị đàn áp nhưng cuộc vận động thay đổi tư duy kinh tế của các chí sĩ yêu nước đã cổ vũ mạnh mẽ và làm thức tỉnh người Việt chú trọng hơn vào con đường công thương, kỹ nghệ. Sự chuyển biến trong tư tưởng nói chung, trong tư duy kinh tế là khá rõ nét. Trước hết là một bộ phận không ít người Việt đã nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phải thay đổi căn bản nền kinh tế đất nước, trong đó hướng tới một nền kinh tế phù hợp với xu thế phát triển của thời đại với mô hình sản xuất hàng hóa mang tính liên doanh, liên kết, cũng như các loại hình kinh doanh, buôn bán... năng động, có hiệu quả. Và điều trước tiên là phải tạo ra một lực lượng làm kinh tế với tư duy mới, không ngại khó, từng bước vươn lên làm chủ thị trường, cạnh tranh với các nhóm tư bản ngoại kiều khác.

### 4. Kết luận

Đầu thế kỷ XX, cùng với các phong trào đấu tranh chính trị, vận động giải phóng dân tộc, phong trào vận động làm thay đổi về tư duy kinh tế của người Việt đã diễn ra mạnh mẽ. Cuộc vận động này xuất phát từ thực tế người Việt chịu yếu thế về kinh tế so với các doanh nhân người Pháp, người Hoa và người Ấn ngay trên quê hương mình. Ngoài ra, việc xây dựng thực lực kinh tế đủ mạnh để thay đổi vận mệnh dân tộc cũng là một khuynh hướng đấu tranh theo tinh thần “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” của các chí sĩ yêu nước Duy Tân đầu thế kỷ XX. Tuy phong trào bị đàn áp về chính trị nhưng đã thổi một luồng sinh khí mới cho tinh thần chấn hưng thực nghiệp trong cả nước. Nhiều cơ sở kinh tế được thành lập từ các phong trào này đã vượt qua sự đàn áp về chính trị để có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh trong các giai đoạn về sau. Sự đả thông về tư tưởng này đã khuyến khích người Việt thay đổi về quan niệm kinh tế, nhiều cơ sở kinh tế do các doanh nhân tài năng sáng lập nên. Có thể nói, cuộc vận động duy tân đầu thế kỷ XX đã thay đổi tư duy kinh tế của người Việt, tiếp tục cổ vũ tinh thần tự cường của người Việt trên nhiều phương diện.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

❖ **Lời cảm ơn:** Bài viết này trong khuôn khổ đề tài NCKH mã số: C2017-18b – ĐHQG TPHCM.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Choi Byung Wook (2008). *The foreign trade of Vietnam in the first half 19th century transfer from Chinese merchants to Vietnamese merchants* [Ngoại thương Vietnam nửa đầu thế kỷ XIX từ tay người Hoa chuyển sang người Việt]. Historical Studies, (3).
- General Government of Indochina (1904). *Indochina Economic Bulletin published by the Department of Agriculture and Trade No.35* [Bulletin Économique de l'Indo-Chine publiée par la Direction de l'Agriculture et du Commerce No.35]. Typo-lithographic printing press F.H Schneider.
- Huynh, T. K. (1959). *The biography of Phan Tay Ho* [Phan Tay Ho tiền sinh lịch sử]. Hue: Anh Minh Printing House.
- Huynh, T. K. (2000). *The chronicles of Huynh Thuc Khang* [Huynh Thuc Khang niên pho]. Culture – Information Publishing House.
- Le, Q. D. (2005). *Geographical Records of the Unified Imperial Viet* [Hoàng Việt nhất thống địa dư chí]. Hue: Thuan Hoa Publishing House.
- Li Tana (1994). Rice trade in the 18<sup>th</sup> and 19<sup>th</sup> century Mekong Delta and its implications, Bangkok: *An International Seminar on Thailand and her neighbors (II): Laos, Vietnam and Cambodia*.
- Li Tana (1998). The foreign Trade of Vietnam in the 19<sup>th</sup> century: Relationship with Singapore. [Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XIX: Quan hệ với Singapore]. Proceedings of the First International Conference on Vietnamese Studies (1998).
- Li Tana (2006). Ship and shipbuilding method in Vietnam in the last 18<sup>th</sup> century and the early 19<sup>th</sup> century [Thuyền và kỹ thuật đóng thuyền ở Việt Nam cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX]. Retrieved 07/7/2019 from: <http://www.vusta.vn>
- Luong, K. N. (1901). Discussion about commerce [Thuông cơ luận]. *Nông cơ Min đăm newspaper*, (1).
- Ngô, V. M. (2012). *Le Co in the anti-French movement in the early 20<sup>th</sup> century*. [Chi sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX]. Da Nang: Da Nang Publishing House.
- Nguyen, H. L. (2002). *Dong Kinh school* [Đông Kinh Nghĩa học]. Culture – Information Publishing House.
- Nguyen, T. L. (1997). Knowledge about Meiji Duy tan by Vietnamese intellectuals in the early 20<sup>th</sup> century (cases of Phan Boi Chau and Phan Chau Trinh). [Nhân thức về Meiji Duy Tân của giới trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX (trường hợp Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh)]. *Historical Studies*, (4).
- Nguyen Dynasty's National Historical Institute (2007). *Chronicles of the Nguyen dynasty* [Biên niên sử Triều Nguyễn], (4). Hanoi: Education Publishing House.
- Nguyen Dynasty's National Historical Institute (2012). *Geography of the Unified Dai Nam* [Đại Nam Nhất thống chí], (2). Hanoi: Labour Publishing House.
- Nguyen, V. X. (2000). *The Duy tan movement*. [Phong trào Duy Tân]. Da Nang: Da Nang Publishing House.

- Pham, L. D. (1975). The role of Nong co Min dam newspaper in the Duy Tan movement in Cochinchina [Vai tro Nong co min dam trong phong trao Duy Tan mien Nam]. *Bach Khoa Journal*, (425).
- Phan, C. T. (1973). *Records about the anti-tax revolt in Central Vietnam* [Trung ki dan bien thi mat ki]. Published by Secretary of state for culture, Republic of Vietnam.
- Son Nam (2004). *The Duy Tan Movement in North, Central, South of Vietnam in the early 20<sup>th</sup> century - The South of Vietnam in the early 20<sup>th</sup> century (Tiandihu and the Minh Tan movement)* [Phong trao Duy Tan o Bac Trung Nam dau the ki XX – Mien Nam dau the ki XX (Thien Dia Hoi va cuoc Minh Tan)]. Tre Publishing House.
- Tran, C. C. (1907). Duy Tan company. *Minh Tan novel* [Minh Tan tieu thuyet]. Phat Toan Printing House.
- Tran, T. (2012). The breakthrough of Tran Quy Cap's patriotic thinking. *Tran Quy Cap, the bright forever* [Tran Quy Cap – Guong sang nghin nam]. Literature Publishing House.
- Tran, T., & Vo, P. T. (2016). The relationship between Le Van Duyet and Minh Mang in the first 30 years of the power concentration process in the Nguyen dynasty [Ve moi quan he giua Le Van Duyet va Minh Mang qua qua trinh tap trung quyen luc 30 nam dau trieu Nguyen]. *Science & technology development Journal HCM VNU*, 19(2X).
- Tan Dan Tu (1907). Thuong truong bai tich [Thuong truong bai tich], *Minh Tan novel*. Phat Toan Printing House.
- White, J. (1823). *History of a voyage to the China sea*. British: Wells and Lilly, Court-Street, Boston.

## DUY TAN MOVEMENT WITH THE CHANGE OF ECONOMIC THINKING IN VIETNAM IN THE EARLY 20<sup>th</sup> CENTURY

*Tran Thuan, Vo Phuc Toan\**

*University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Hochiminh City, Vietnam*

*\*Corresponding author: Vo Phuc Toan – Email: vophuctoan@hcmussh.edu.vn*

*Received: April 12, 2019; Revised: March 15, 2020; Accepted: April 18, 2020*

### ABSTRACT

*Since France conquered Vietnam, the capitalist mode of production was imported that created changes in the economy and society. Beside French capitalists, Chinese and Indian merchants were also active in the market while the Vietnamese people were affected by Neo-Confucianism thought which did not care about commerce and industry issues. The Duy Tan movement in the early 20<sup>th</sup> century impacted positively the economic thinking of the Vietnamese people merchants. This paper discusses the results of the Duy Tan movement that changes the economic thinking of the Vietnamese people in the early 20<sup>th</sup> century.*

**Keywords:** the Duy Tan movement; the Minh Tan movement; economic thinking; Phan Chau Trinh; Tran Chanh Chieu